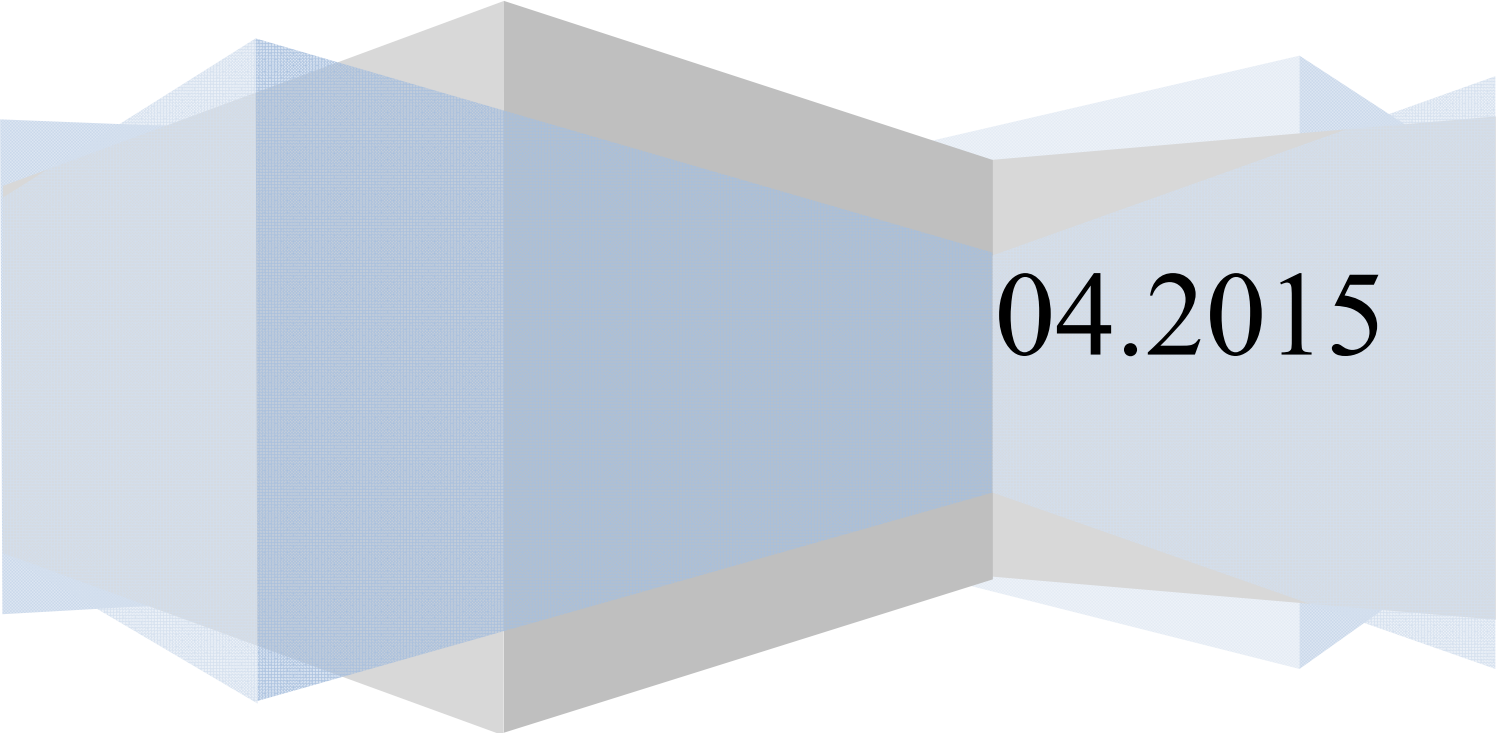


Ban Quan hệ Quốc tế - VCCI

HỒ SƠ THỊ TRƯỜNG ĐÀI LOAN

Người liên hệ: Vũ Hải Yến
Tel: 04.35742161
Email: yenvh@vcci.com.vn



04.2015

HỒ SƠ THỊ TRƯỜNG ĐÀI LOAN

MỤC LỤC

I. GIỚI THIỆU CHUNG	2
1. Các thông tin cơ bản.....	2
2. Lịch sử.....	3
3. Văn hóa – Nghệ thuật.....	4
4. Giáo dục	4
5. Phong tục tập quán	4
II. TÌNH HÌNH KINH TẾ.....	5
1. Tổng quan.....	5
2. Các chỉ số kinh tế.....	5
III. QUAN HỆ KINH TẾ - THƯƠNG MẠI VỚI VIỆT NAM	6
1. Hợp tác thương mại.....	6
2. Hợp tác đầu tư.....	7
3. Hợp tác trong các lĩnh vực khác.....	7
IV. QUAN HỆ HỢP TÁC VỚI VCCI.....	9
V. THÔNG TIN HỮU ÍCH	9
1. Địa chỉ hữu ích.....	9
2. Xin visa Đài Loan	10
Thủ tục xin visa thương vụ	10
Bảng lệ phí và thời gian trả kết quả	11
Thông tin tham khảo	12
3. Các thông tin khác.....	12

PHỤ LỤC THAM KHẢO

Bảng 1. Xuất khẩu VN – Đài Loan năm 2014

Bảng 2. Nhập khẩu VN – Đài Loan năm 2014

Cập nhật tháng 04/2015

Trang 1

I. GIỚI THIỆU CHUNG



1. Các thông tin cơ bản

Tên	Đài Loan
Diện tích	35.980 km ² (trong đó: đất liền: 32.260 km ² , mặt nước: 3.720 km ²)
Vị trí địa lý	Đài Loan thuộc khu vực Thái Bình Dương, phía nam giáp với Biển Đông và phía đông giáp với biển Philippines. Đài Loan là một hòn đảo dài 394 km và rộng 144 km, gồm nhiều dãy núi dốc và bao phủ bởi hệ thực vật nhiệt đới và tiểu nhiệt đới. Đài Loan còn một số đảo nhỏ ở kề bên như: Lan Tục, Lục Đại, quần đảo Bành Hồ, Kim Môn, Mã Tổ...
Dân số	23.359.928 người (<i>cập nhật tháng 6/2014</i>)
Khí hậu	Đài Loan có khí hậu nhiệt đới đại dương. Phần phía bắc của đảo có mùa mưa từ cuối tháng một cho đến cuối tháng 3 do gió mùa đông bắc đem tới. Hòn đảo có khí hậu nóng, ẩm từ tháng 6 đến tháng 9. Vùng trung và nam đảo không có gió mùa đông bắc vào mùa đông. Các thiên tai như bão và động đất thường xuyên xảy ra tại hòn đảo. Mùa bão chủ yếu từ tháng 5 đến tháng 8.
Nhiệt độ	18°C – 34°C
Ngôn ngữ	Ngôn ngữ chính thức được dùng tại Đài Loan là tiếng Phổ thông Trung Quốc (người Đài Loan gọi là Quốc Ngữ), tiếp theo đó là tiếng Mãn Nam (tức tiếng Phúc Kiến), tiếng Hẹ (từ dùng chỉ người Khách gia Trung Quốc, còn gọi là Hakka, Hakas), và một bộ phận nhỏ nói tiếng Cao Sơn (tiếng bản địa, thứ tiếng của dân tộc thiểu số) do đại bộ phận người Đài Loan được di cư từ tỉnh Phúc Kiến và Quảng Đông sang. Tiếng Anh là ngôn ngữ phổ biến tại Đài Loan, một số trường tư có quy mô lớn đã tiến hành giảng dạy bằng tiếng Anh. Tiếng Anh là bắt buộc trong chương trình giảng dạy khi các học sinh bước vào trường tiểu học. Tiếng Anh khá được đề cao trong các trường học Đài Loan

Tôn giáo	Đạo Phật và đạo Giáo 93%; Thiên chúa giáo 4,5%; Khác 2,5%
Đơn vị tiền tệ	Đài tệ (NT\$)
Thể chế hành chính	Theo thể chế Dân chủ nghị viện, chế độ lưỡng viện. Có 21 đơn vị hành chính, 16 hạt và 5 thành phố. Hiến pháp thông qua ngày 1 tháng Giêng năm 1947, sửa đổi năm 1992, 1994 và 1997. Cơ quan lập pháp gồm Viện lập pháp, có 225 ghế, trong đó có 168 ghế được bầu theo phổ thông đầu phiếu, 41 ghế theo tỷ lệ mà các chính đảng nhận được sau khi toàn dân đi bầu, 8 ghế dành cho các cử tri Trung Quốc ở nước ngoài, 8 ghế theo phổ thông đầu phiếu dành cho thổ dân bản xứ, nhiệm kỳ 3 năm. Cơ quan lập pháp gồm 334 ghế, được bầu theo phổ thông đầu phiếu, nhiệm kỳ 4 năm. Đứng đầu vùng lãnh thổ là Tổng thống. Tổng thống và Phó Tổng thống được bầu theo phổ thông đầu phiếu, nhiệm kỳ 4 năm. Thủ tướng do Tổng thống bổ nhiệm đứng đầu Viện hành pháp (chủ tịch cơ quan điều hành).
Đơn vị hành chính	Đài Loan chia toàn lãnh thổ đảo thành ba khu hành chính: gồm Đài Bắc, Đài Trung và Đài Nam. Về đơn vị hành chính, Đài Loan được chia thành 14 quận, 3 đô thị, 5 đô thị đặc biệt Các thành phố chính: Taipei, Kaohsiung, Taichung, Tainan, New Taipei
Người đứng đầu chính quyền	Ông MA Ying-jeou (Mã Anh Cửu), trúng cử với 51,6% số phiếu tại cuộc bầu cử ngày 14/1/2012
Hệ thống pháp luật	Hệ thống pháp luật của Đài Loan dựa trên hệ thống dân luật (civil law), là hệ thống được áp dụng bởi đa số (trên 60%) các quốc gia và vùng lãnh thổ trên thế giới.
Tham gia các tổ chức Quốc tế	ADB, APEC, BCIE, ICC (national committees), IOC, ITUC (NGOs), WTO

2. Lịch sử

Bằng chứng khảo cổ cho thấy sự hiện diện của con người ở Đài Loan đã có từ 30.000 năm trước, mặc dù những cư dân đầu tiên của Đài Loan có thể đã không có chung nguồn gốc với bất kỳ nhóm dân tộc nào hiện nay trên đảo. Khoảng 4.000 năm trước, tổ tiên của Thổ dân Đài Loan ngày nay đã định cư tại đảo.

400 năm gần đây, dân cư ở Đài Loan chủ yếu là người Hán. Sau thế kỷ 16 Đài Loan là nơi giao tiếp hoạt động giữa Đông-Tây, như giữa Hà Lan, Tây Ban Nha, Trung Quốc, và Nhật Bản. Vì thế mà ở đây hình thành một nền văn hóa có bản sắc đa dạng.

Sau khi nhà Thanh đã thất bại trong Chiến tranh Thanh-Nhật (1894-1895) và Đài Loan cùng Bành Hồ được tất cả chủ quyền cho Đế quốc Nhật Bản. Đài Loan đã là thuộc địa của Nhật Bản trong 50 năm nên nền văn hóa Đài Loan bị ảnh hưởng rất lớn. Năm 1949 chính phủ Quốc Dân Đảng từ Trung Quốc di chuyển tới Đài Loan. Năm 2000, đảng Dân tiến đã lên cầm quyền kết thúc sự thống trị chính trường Đài Loan của Quốc dân đảng trong nhiều năm trước đó.

Trung Quốc coi Đài Loan là một tỉnh của nước cộng hòa Nhân dân Trung Hoa.

3. Văn hóa – Xã hội

Văn hóa Đài Loan là một sự pha trộn của nhiều dòng khác nhau, kết hợp chặt chẽ với các yếu tố của văn hóa cổ truyền Trung Hoa, vốn là nguồn gốc lịch sử và dân tộc của đa số cư dân hiện nay, văn hóa Nhật Bản, tín ngưỡng Khổng Tử và các sắc màu đến từ Phương Tây.

Hệ thống y tế khá hiện đại. Bảo hiểm y tế tư nhân được coi trọng, chính quyền chỉ cung cấp dịch vụ y tế cho những người nghèo.

Tuổi thọ trung bình đạt 79,84 tuổi, nam 76,72, nữ: 83,2 tuổi.

Mỗi khu vực của Đài Loan từ bắc, trung, nam thậm chí cả những hòn đảo ngoài khơi đều có những nét độc đáo của riêng mình. Bạn có thể tìm thấy các hình thức nghệ thuật phong phú và đa dạng của hòn đảo trên mọi đường phố và ngõ, và trong cuộc sống của người dân. Một vài điểm nhấn màu sắc khi bạn đến Đài Loan có thể là: Múa rối tay, làm ô giấy dầu, nặn tò he, thổi tượng bằng đường, túi thơm, điều giấy, thư pháp...

4. Giáo dục

Người Đài Loan hết sức coi trọng giáo dục, vì kinh tế tri thức của vùng lãnh thổ này đòi hỏi con người phải có kiến thức và kỹ năng tay nghề cao. Việc học là bắt buộc, miễn phí trong 9 năm (tới 15 tuổi) và đang được dự định tăng lên 12 năm. Đại học được khuyến khích, có trình độ quốc tế, song vẫn nhiều sinh viên ra học ở nước ngoài, nhất là học trên đại học.

5. Phong tục tập quán

Phong tục tập quán của người Đài Loan rất gần gũi với phong tục tập quán của người Việt Nam, thời gian tính theo cả dương lịch và âm lịch, phong tục cúng lễ, đốt hương và vàng mã vào ngày rằm, mùng 1, ngày giỗ thờ cúng tổ tiên. Trong một gia đình thường sống chung các thế hệ ông bà, cha mẹ và con cháu.

Người Đài Loan có thói quen uống trà nóng trong các tách nhỏ và ăn trà. Hàng năm có nhiều lễ hội như:

Ngày lễ kỷ niệm hàng năm:

- Ngày tết dương lịch 01/01
- Ngày quốc tế phụ nữ 08/03
- Ngày tưởng niệm liệt sỹ 29/03
- Ngày quốc tế lao động 01/05
- Ngày Khổng tử và ngày nhà giáo 28/09
- Ngày Song thập 10/10
- Ngày sinh Tưởng Giới Thạch 31/10
- Ngày sinh Tôn Trung Sơn 12/11
- Ngày Hiến pháp 25/12

Các ngày lễ khác :

- Lễ hội mùa xuân, tết cổ truyền dân tộc
- Lễ Táo mộ 05/04 (lễ Thanh minh theo lịch âm)
- Tết Đoan Ngọ 05/05 âm lịch (còn gọi là hội thuyền rồng)
- Rằm Trung thu 15/08 âm lịch
- Ngày lễ Quang phục 25/10 chỉ có ở Đài Loan

II. TÌNH HÌNH KINH TẾ

1. Tổng quan

Từ năm 1950 trở lại đây, Đà Loan chuyển mình từ một nền kinh tế nông nghiệp, chậm phát triển sang một nền công nghiệp phát triển.

Trong thập niên 1960, nhờ đầu tư nước ngoài, nhiều ngành kỹ thuật tiên tiến được đưa vào Đà Loan. Đà Loan nhanh chóng trở thành một trong những vùng lãnh thổ xuất cảng chính các loại máy móc điện tử, thiết bị điện và sản phẩm bằng nhựa.

Sang thập niên 1970, chính quyền Đà Loan tài trợ những dự án quy mô trong các ngành công nghiệp cơ bản như hoá dầu, luyện sắt thép, đóng tàu và tạo điều kiện thuận lợi cho ngành công nghiệp đóng xe hơi lớn mạnh hơn nữa.

Thập niên 1980 đánh dấu thời kỳ tăng triển mạnh các ngành công nghiệp điện tử, chế tạo máy và tin học ở Đà Loan.

Trong thập niên 1990, kinh tế Đà Loan không còn chỉ dựa trên căn bản các ngành công nghiệp sản xuất như trước mà phát triển mạnh ngành dịch vụ. Nền kinh tế Đà Loan khá năng động và được coi là một trong bốn con Rồng ở Đông Á.

Nhằm thực hiện mục tiêu thúc đẩy quan hệ hợp tác với các nước trên thế giới, Đà Loan đã điều chỉnh chính sách kinh tế đối ngoại, trong đó Đông Nam Á được coi là một thị trường hấp dẫn. Trong những năm cuối thập kỷ 1990, Chính quyền Đà Loan đã đưa ra chính sách tăng cường quan hệ thương mại và đầu tư với Đông Nam Á hay còn gọi là “chính sách hướng Nam”. Với chính sách hướng Nam, qui mô hợp tác thương mại và đầu tư giữa Đà Loan và các nước Đông Nam Á, trong đó có Việt Nam được mở rộng.

2. Các chỉ số kinh tế

	2012	2013	2014
GDP tính theo PPP	967 tỉ USD	987 tỉ USD	1 022 tỉ USD
Tỷ lệ tăng trưởng GDP	1,5 %	2,1 %	3,5%
GDP –per capita	41.500 USD	42.200 USD	43.600 USD
GDP theo ngành	Nông nghiệp: 1,7%; Công nghiệp: 30,5%; Dịch vụ: 67,8% (năm 2014)		
Tỷ lệ thất nghiệp	4,24 %	4,2 %	3,8%
Tỷ lệ lạm phát	1,39 %	0,79 %	1,5%
Tỷ lệ tăng trưởng ngành công nghiệp	-0,25%	0,39 %	3,3%
Kim ngạch xuất khẩu	307 tỉ USD	304,6 tỉ USD	318 tỉ USD
Mặt hàng xuất khẩu chính	Thiết bị điện tử , màn hình phẳng, máy móc, kim loại, dệt may, nhựa, hóa chất, quang học, thiết bị đo lường và dụng cụ y tế		

Đối tác xuất khẩu chính	Trung Quốc 27,1%, Hongkong 13,2%, Nhật Bản 6,4%, Singapore 4,4% (số liệu năm 2013)		
Kim ngạch nhập khẩu	247,3 tỉ USD	267,4 tỉ USD	277,5 tỉ USD
Mặt hàng nhập khẩu chính	Điện tử, máy móc, dầu thô, dụng cụ chính xác, hóa chất hữu cơ, kim loại		
Đối tác nhập khẩu chính	Nhật Bản 16,7%; Trung Quốc 16,1%; Mĩ 9,5% (số liệu năm 2013)		
Tỷ giá tiền tệ	1 USD = 31,312 NT\$ (14/4/ 2015)		

Nguồn: www.cia.gov

III. QUAN HỆ KINH TẾ - THƯƠNG MẠI VỚI VIỆT NAM

Hiện nay, nhiều nước trên thế giới, trong đó có Việt Nam khẳng định kiên trì chính sách “Một nước Trung Hoa”, công nhận nước CHND Trung Hoa là đại diện duy nhất của nhân dân Trung Quốc, Đài Loan là một bộ phận không thể tách rời của nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa. Việt Nam chỉ giao lưu về kinh tế, thương mại, đầu tư và văn hóa với Đài Loan, không phát triển quan hệ chính thức với Đài Loan.

Nhằm tăng cường giao lưu kinh tế giữa Việt Nam và Đài Loan, Văn phòng Kinh tế Văn hóa Việt Nam tại Đài Bắc và Văn phòng Kinh tế Văn hóa Đài Bắc tại Hà Nội được thành lập năm 1992. Việt Nam và Đài Loan đã ký kết một số thỏa thuận hợp tác trong các lĩnh vực kinh tế, giáo dục, y tế, nông nghiệp....

1. Hợp tác thương mại

Đài Loan là một trong những đối tác kinh tế quan trọng của Việt Nam. Đài Loan là thị trường có dân số hơn 23 triệu và thu nhập bình quân đầu người vào mức cao trên thế giới, đây được coi là thị trường tiềm năng để Việt Nam xuất khẩu hàng hóa sang Đài Loan. Theo thống kê của Cơ quan chức năng Đài Loan, năm 2014 Việt Nam là đối tác xuất khẩu xi măng, chè, hạt điều lớn nhất vào thị trường Đài Loan, đứng thứ hai là mặt hàng may mặc và gạo.

Top 05 mặt hàng Việt Nam xuất khẩu sang Đài Loan

Mặt hàng xuất khẩu	2013 (USD)	2014 (USD)	Tăng trưởng (%)
Máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện	90.143.413	163.187.340	81%
Máy móc, thiết bị, dụng cụ phụ tùng khác	112.460.604	130.440.067	15%
Hàng dệt, may	201.370.954	215.077.682	6,8%
Hàng thủy sản	144.531.824	143.660.555	- 0,6%
Điện thoại các loại và linh kiện	467.812.679	353.609.523	- 24%

Cập nhật tháng 04/2015

Top 05 mặt hàng Việt Nam nhập khẩu từ Đài Loan

Mặt hàng nhập khẩu	2013 (USD)	2014 (USD)	Tăng trưởng (%)
Máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện	864.228.566	1.411.678.492	63%
Máy móc, thiết bị, dụng cụ, phụ tùng khác	923.841.510	1.423.420.653	54%
Chất dẻo nguyên liệu	832.189.148	961.082.637	15%
Vải các loại	1.241.484.802	1.393.079.229	12%
Xăng dầu các loại	1.221.939.152	1.117.550.293	- 8,5%

Năm 2014, thương mại giữa Đài Loan và Việt Nam đạt hơn 13 tỉ USD. Trong đó, xuất khẩu của Việt Nam sang Đài Loan đạt 2,305 tỉ USD, nhập khẩu của Việt Nam từ Đài Loan đạt 11,084 tỉ USD; như vậy Việt Nam vẫn tiếp tục nhập siêu từ Đài Loan .

Kim ngạch Xuất Nhập khẩu Việt Nam – Đài Loan

Nguồn: Tổng cục Hải quan Việt Nam; Đơn vị: triệu USD

Năm	Việt Nam xuất khẩu	Việt Nam nhập khẩu	Tổng kim ngạch XNK	Tăng trưởng (%)
2005	935	4.304	5.239	14%
2006	843	4.825	5.667	8%
2007	1.139	6.917	8.056	42%
2008	1.212	7.950	9.159	13%
2009	1.121	6.253	7.373	-20%
2010	1.443	6.278	8.420	14%
2011	1.843	8.557	10.400	23,5%
2012	2.081	8.534	10.615	2%
2013	2.213	9.423	11.637	9,62%
2014	2.308	11.079	13.387	15%
Tháng 02/2015	320	1.652	1.972	-

2. Hợp tác đầu tư

Cùng với việc Việt Nam chính thức ban hành Luật Đầu tư nước ngoài năm 1987 và Đài Loan thực hiện “Chính sách hướng Nam”, Đài Loan trở thành một trong những nhà đầu tư nước ngoài đầu tiên đến Việt Nam. Trong số các nước và vùng lãnh thổ đầu tư vào Việt Nam, đầu tư của Đài Loan luôn chiếm vị trí hàng đầu và có đóng góp không nhỏ vào sự tăng trưởng kinh tế Việt Nam. Theo số liệu của Cục Đầu tư nước ngoài, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, tính đến ngày 20/03/2015, Đài Loan có 2.401 dự án đầu tư vào Việt Nam, tổng vốn đăng ký đạt khoảng 28,51 tỷ USD và xếp thứ 4/101 quốc gia và vùng lãnh thổ có dự án đầu tư tại Việt Nam (chiếm 13% tổng số dự án và 11% tổng vốn đầu tư FDI của Việt Nam). Hiện nay, Việt Nam đang đàm phán Hiệp định Thương mại xuyên Thái Bình Dương (TPP), doanh nghiệp Đài Loan đã bắt đầu có xu hướng tăng cường đầu tư vào Việt Nam để đón đầu cơ hội này. Tháng 10/2013, tại khu công nghiệp (KCN) Mỹ Xuân A2, Công ty CP China Steel Sumikin Việt Nam đã khánh thành Nhà máy cán nguội thép tấm, công suất 1,2 triệu tấn/năm. Sản phẩm chính của nhà máy nhắm tới cung ứng thép cho thị trường Việt Nam, các nước Đông Nam Á và Ấn Độ.

Về qui mô đầu tư: Đài Loan có nhiều dự án đầu tư vào Việt Nam với qui mô lớn, nhất là sau khi Việt Nam gia nhập WTO. Theo thống kê, qui mô vốn bình quân mỗi dự án đạt khoảng 11,8 triệu USD/dự án. Một số dự án đầu tư tiêu biểu của Đài Loan tại Việt Nam: Công ty liên doanh xây dựng và kinh doanh Khu chế xuất Tân Thuận, Công ty liên doanh Phú Mỹ Hưng, Công ty liên doanh Chinfon-Hải Phòng, dự án của Tập đoàn Hồng Hải xây dựng Khu Công nghiệp ở Bắc Ninh và Bắc Giang, Công ty Gang thép Hưng Nghiệp Fomosa xây dựng nhà máy thép, Cảng Sơn Dương và Nhà máy nhiệt điện tại Vũng Áng, Hà Tĩnh, Công ty CP China Steel Sumikin Việt Nam.... Dự án lớn nhất của Đài Loan tại Việt Nam năm 2014 tính đến tháng 11/2014 là dự án Công ty TNHH dệt Đài Nguyên Việt Nam, cấp phép ngày 16/7, tổng vốn đầu tư 150 triệu USD. Dự án đặt tại Khu công nghiệp Đồng Văn II, tỉnh Hà Nam, sản xuất, gia công và kinh doanh xe sợi, dệt kim và sản phẩm may mặc.

Về lĩnh vực đầu tư: các dự án của Đài Loan hiện tập trung chủ yếu trong lĩnh vực công nghiệp chế biến chế tạo với 1.872 dự án, giá trị đầu tư 23,5 tỷ USD, chiếm 78% tổng số dự án và 82,5% tổng vốn đăng ký của Đài Loan tại Việt Nam. Tiếp đến, ngành kinh doanh bất động sản đứng thứ hai, với 26 dự án, giá trị vốn 1,69 tỷ USD (chiếm 6% tổng vốn đầu tư của Đài Loan). Bên cạnh đó, ngành xây dựng đứng cũng thu hút được sự quan tâm đặc biệt từ các nhà đầu tư Đài Loan và giữ vị trí thứ 3, có 108 dự án với giá trị đầu tư đạt 1,5 tỷ USD (chiếm 5,4% tổng vốn đầu tư của Đài Loan).

Về hình thức đầu tư: hiện nay Đài Loan đã chuyển dần từ hình thức đầu tư chủ yếu là liên doanh ban đầu sang hình thức đầu tư 100% vốn nước ngoài. Ngoài ra, Đài Loan cũng đầu tư theo hai hình thức là công ty cổ phần và hợp đồng hợp tác kinh doanh.

Về địa bàn đầu tư: Đài Loan chủ yếu tập trung đầu tư vào các tỉnh thành phố lớn như Đồng Nai, Bình Dương, Tp Hồ Chí Minh, Bắc Ninh. Tính đến tháng 3/2015, Hà Tĩnh là địa phương đứng đầu về thu hút FDI từ các nhà đầu tư Đài Loan, với 36 dự án, giá trị vốn đầu tư 10,2 tỷ USD (chiếm 36% tổng vốn đầu tư của Đài Loan tại Việt Nam). Trong đó, dự án Formosa Hà Tĩnh có vốn đầu tư là 9,996 tỷ USD và lớn nhất tại Việt Nam tại thời điểm này. Đồng Nai xếp thứ hai với 333 dự án, giá trị vốn đầu tư 4,8 tỷ USD và Bình Dương đứng thứ ba với 688 dự án và giá trị vốn đầu tư 2,6 tỷ USD./.

3. Hợp tác trong các lĩnh vực khác

Lao động:

Cập nhật tháng 04/2015

Đài Loan tiếp nhận lao động Việt Nam từ hơn 10 năm nay và là một trong những thị trường xuất khẩu lao động lớn nhất Việt Nam. Theo số liệu của Cục quản lý lao động ngoài nước, năm 2013, số lượng lao động Việt Nam làm việc tại Đài Loan là 46.368 lao động, chiếm một nửa trong tổng xuất khẩu lao động của Việt Nam ra nước ngoài (88.155 lao động)., Năm 2014, lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài nhiều nhất tiếp tục tập trung ở thị trường Đài Loan với khoảng 60.000 lượt lao động. Năm 2014, tổng chi phí đi Đài Loan theo quy định đã được Bộ LĐ-TB&XH giảm từ 4.500 USD (năm 2013) xuống tới mức tối đa không quá 4.000 USD/người đối với lao động làm việc ở khu vực nhà máy và 3.300 USD/người đối với lĩnh vực chăm sóc người bệnh, và sẽ xem xét điều chỉnh chi phí đi Đài Loan giảm dần theo từng năm để tạo điều kiện cho người lao động. Lao động Việt Nam làm việc chủ yếu trong các lĩnh vực: sản xuất chế tạo, phục vụ xã hội và cá nhân(hộ lý, ý tá, chăm sóc người bệnh và giúp việc gia đình) , xây dựng và thuyền viên gàn bờ chiếm.

Du lịch:

Đài Loan là thị trường khách du lịch lớn thứ 5 của Việt Nam, và được coi là thị trường nguồn quan trọng của Việt Nam. Theo số liệu của Tổng Cục Du lịch Việt Nam, năm 2014 có 388.998 lượt khách Đài Loan đến Việt Nam, đạt 97,5% so với cùng kì năm trước.

Việt Nam và Đài Loan có nhiều nét văn hóa tương đồng, có nhiều đường bay thẳng kết nối giữa các thành phố lớn. Đây là điều kiện thuận lợi cho ngành du lịch hai bên cùng hợp tác phát triển.

IV. QUAN HỆ HỢP TÁC VỚI VCCI

VCCI và Hiệp hội Hợp tác Kinh tế Quốc tế Đài Loan (CIECA) đã ký thỏa thuận hợp tác năm 1992. Từ đó đến nay hai bên đã tổ chức Hội nghị doanh nghiệp Việt Nam - Đài Loan thường niên 20 lần, lần lượt luân phiên tại Việt Nam và Đài Loan.

Ngày 18.4.2011 tại trụ sở VCCI đã diễn ra lễ ký kết thỏa thuận hợp tác giữa VCCI và Hiệp hội Doanh nghiệp xuất nhập khẩu Đài Bắc nhằm trao đổi thông tin và xúc tiến hơn nữa môi trường đầu tư thương mại giữa doanh nghiệp hai bên.

V. THÔNG TIN HỮU ÍCH

1. Địa chỉ hữu ích

Đơn vị - Địa chỉ	Tel/Fax	Email/Website
Việt Nam		
Ban Quan hệ quốc tế, VCCI <i>Số 9 Đào Duy Anh, Hà Nội</i>	Tel: 84-4-35742161 Fax:84-4-35742022	www.vcci.com.vn
Hiệp hội thương mại Đài Loan tại Việt Nam <i>CR 2-15, 107 Tôn Dật Tiên, P.Tân Phú, Q.7, TP HCM</i>	T: 84-8-54138348 F: 84-8-54138349	ctcvnn5@gmail.com http://www.ctcvn.org/
Văn phòng Kinh tế Văn hóa Đài Bắc tại Hà Nội <i>Tầng 5 tòa nhà HITC, số 239, Đường</i>	T: 84- 4- 38335510 F: 84- 4- 38335509	tecohn@netnam.vn http://www.taiwanembassy.org

Cập nhật tháng 04/2015

<p><i>Xuân Thủy, Cầu Giấy, Hà Nội</i></p> <p>Văn phòng Kinh tế Văn hóa Đài Bắc tại TP.HCM</p> <p><i>19F, Flemington Tower, 182 Lê Đại Hành, Q.11, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam</i></p>	<p>T: 84-8-39621745</p> <p>F: 84-8-39651577</p>	<p>suggest@tecohcm.org.vn</p> <p>http://tecohcm.org.vn/vn/</p>
<p>Văn phòng đại diện Hiệp hội phát triển ngoại thương Đài Loan (TAITRA) tại Tp Hồ Chí Minh</p> <p>Tầng 16, Tòa nhà Plaza Central, 17 Lê Duẩn, Quận I, TP HCM</p>	<p>T: 84-8- 39390837</p> <p>F: 84-8- 39390841</p>	<p>http://hochiminh.taiwantrade.com.tw/</p>
Đài Loan		
<p>Văn phòng Kinh tế Văn hóa Việt Nam tại Đài Bắc</p> <p><i>3F No. 65 Sung Chiang Road, Taipei, Taiwan</i></p>	<p>T: +886 2 25166626</p> <p>F: +886 2 25041761</p> <p>Lãnh sự:</p> <p>T: +886 2 25166648</p> <p>F: +886 2 25166625</p>	<p>vecotapei@mofa.gov.vn</p> <p>http://www.vietnamoffice-taipei.org/vi/</p>
<p>Thương vụ Văn phòng Kinh tế Văn hóa Việt Nam tại Đài Bắc</p> <p><i>No 101,F3-1, Sung Chiang Road, Taipei, Taiwan</i></p>	<p>T: +886 2 25036840</p> <p>F: +886 2 25036842</p>	<p>tw@moit.gov.vn</p>
<p>Hiệp hội Hợp tác Kinh tế Quốc tế Đài Loan (CIECA)</p> <p>7F, 85 Ba De Road, Sec. 4, Taipei 10561, Taiwan</p>	<p>T: +886 2 25288833</p> <p>F: +886 2 27425342</p>	<p>http://www.cieca.org.tw</p>

3. Xin visa Đài Loan

Thủ tục xin visa thương vụ

- Hộ chiếu bản gốc và bản copy 1 bản. Hộ chiếu phải còn hiệu lực trên 6 tháng.
- Kê khai đầy đủ mẫu đơn xin Visa 1 bản (kèm 2 tấm ảnh 4x6 chụp trong 6 tháng gần nhất), đồng thời đương sự phải ký tên.
- Đối với những doanh nhân Việt Nam nếu trên hộ chiếu có những visa chứng tỏ đương sự thường xuyên sang các nước khối EU, Mỹ, Canada, Nhật, Anh, Úc, Newzeland..., yêu cầu đương sự cung cấp giấy chứng nhận việc làm như : chủ doanh nghiệp đứng tên trên giấy phép cung cấp giấy phép kinh doanh, nhân viên trình hợp đồng lao động kèm quyết định cử nhân viên sang Đài Loan công tác, đương sự được miễn cung cấp thư mời hoặc bảo lãnh từ phía đài loan, đều có thể xin cấp visa.

Nếu chưa đáp ứng được điều kiện nêu trên yêu cầu cung cấp:

- Thư mời của công ty phía Đài Loan (trong thư mời phải có đầy đủ thông tin của công ty mời như địa chỉ, điện thoại, số fax... và người mời phải ký tên đóng dấu của công ty)
- Bản sao hộ chiếu có ký tên của người mời.
- Giấy phép kinh doanh bản copy của công ty phía Đài Loan
- Quyết định cử nhân viên sang Đài Loan công tác của công ty Việt Nam, hợp đồng lao động, bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội của nhân viên bản chính và bản copy .nếu là chủ doanh nghiệp đứng tên trên giấy phép yêu cầu cung cấp giấy phép kinh doanh..
- Giấy phép kinh doanh của công ty Việt Nam.
- Nếu ủy quyền cho người khác đi nộp thay, yêu cầu cung cấp giấy ủy quyền của công ty Việt Nam nơi đương sự đang công tác, có đóng dấu công ty và chữ ký người phụ trách công ty, kèm chứng minh nhân dân bản chính và bản copy của người nộp thay (người được ủy quyền) .
- Căn cứ theo điều khoản thứ 5 qui định về điều lệ thi hành cấp visa cho hộ chiếu người nước ngoài, văn phòng Kinh tế Văn hóa Đài Bắc tại Việt Nam được quyền yêu cầu phỏng vấn đương sự hoặc yêu cầu đương sự cung cấp những chứng từ hồ sơ có liên quan khác trong việc xin visa của đương sự.

Bảng lệ phí và thời gian trả kết quả

NỘI DUNG CHI TIẾT		LỆ PHÍ USD/NG- ƯỜI	THỜI GIAN TRẢ KẾT QUẢ	GHI CHÚ	
Hộ chiếu	Người lớn	45	2 đến 3 tuần		
	Trẻ em	31	2 đến 3 tuần	Dưới 14 tuổi	
Visa	Phổ thông	Ngắn hạn (một lần)	50	5 ngày làm việc	Phí làm nhanh thu thêm 50% phí quy định
		(Phí làm nhanh)	75	3 ngày làm việc	
		Ngắn hạn (nhiều lần)	100	5 ngày làm việc	
		(Phí làm nhanh)	150	3 ngày làm việc	
	Định cư	66	5 ngày làm việc	Phí làm nhanh thu thêm 50% phí quy định	
		(phí làm nhanh) 99	3 ngày làm việc		
	Hộ chiếu Mỹ	Ngắn hạn (một lần)	160	5 ngày làm việc	Phí làm nhanh thu thêm 50 USD
		Ngắn hạn(làm nhanh)	210	3 ngày làm việc	
Nhiều lần		270	5 ngày làm việc		
Lao động	Làm thường	66	5 ngày làm việc	Phí làm nhanh thu thêm 50%	
	Làm nhanh	99	3 ngày làm việc		

Cập nhật tháng 04/2015

					phí quy định
Xác nhận giấy tờ	Bản chính	Làm thường	15	2 ngày làm việc	Phí làm nhanh thu thêm 50% phí quy định
		Làm nhanh	22.5	1 ngày làm việc	
	Bản phụ/ bản phôtô	Làm thường	7.5	2 ngày làm việc	Phí làm nhanh thu thêm 50% phí quy định
		Làm nhanh	11.25	1 ngày làm việc	
Chứng minh xuất xứ	Bản chính	Làm thường	15	2 ngày làm việc	Phí làm nhanh thu thêm 50% phí quy định
		Làm nhanh	22.5	1 ngày làm việc	
Công chứng di chúc	Bản chính		30	2 ngày làm việc	
Điện báo			4		

Thông tin tham khảo

-Kể từ ngày 28 tháng 05 năm 2013 đối với công dân của 4 nước sau đây : Việt Nam , Ấn Độ, Thái Lan và Indonesia nếu có visa còn hạn của các nước tiên tiến như Mĩ, Canada, Nhật, Anh, EU Schengen , Australia và Newzealand (bao gồm cả thẻ cư trú dài hạn), thì được miễn visa nhập cảnh vào Đài Loan trong thời gian 30 ngày.

Đương sự phù hợp với điều kiện nêu trên và chưa từng sang Đài Loan lao động, nếu muốn xin nhập cảnh miễn visa trước hết cần truy cập trang website “ hệ thống xét duyệt trước trên mạng cho công dân của 5 nước khu vực DNA xin nhập cảnh vào Đài Loan” để xin đăng nhập dữ liệu cá nhân, sau đó website sẽ trả lời bằng văn bản mới có thể lên máy bay nhập cảnh Đài Loan; nếu trường hợp do hộ chiếu không đủ hiệu lực trên 6 tháng hoặc không xuất trình được visa còn hạn của nước tiên tiến đã chỉ định nêu trên hoặc thẻ cư trú dài hạn, đương sự sẽ bị từ chối không được phép nhập cảnh.

Địa chỉ Website đăng ký: <https://nas.immigration.gov.tw/nase/>

3. Nguồn tham khảo

*Website các bộ ngành Việt Nam: Bộ Ngoại giao , Bộ Công thương , Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Tổng cục Hải quan , Tổng cục Du lịch , Cục quản lý lao động ngoài nước,....

*Website CIA – The World Factbook

*Website Trung tâm dữ liệu Giáo dục Đài Loan tại Việt Nam <http://tweduvn.org/vn/>

*Website Văn phòng Kinh tế Văn hóa Đài Bắc tại Việt Nam, Bộ Kinh tế Đài Loan, Hiệp hội Phát triển Ngoại thương Đài Loan (TAITRA).....

* Các tạp chí nghiên cứu : Tạp chí nghiên cứu Trung Quốc, Tạp chí những vấn đề kinh tế chính trị Thế giới.....

Cập nhật tháng 04/2015

Bảng 1. Xuất khẩu Việt Nam – Đà Loan năm 2014 – Nguồn: Tổng cục Hải quan

BỘ TÀI CHÍNH
TỔNG CỤC HẢI QUAN

Biểu số 5X/TCHQ
Cục CNTT & Thống kê Hải quan

Chính thức

XUẤT KHẨU NƯỚC/VÙNG LÃNH THỔ - MẶT HÀNG CHỦ YẾU
Tháng 12 năm 2014

Nước/Mặt hàng chủ yếu	ĐVT	Số liệu tháng báo cáo		Cộng dồn đến hết tháng báo cáo	
		Lượng	Trị giá (USD)	Lượng	Trị giá (USD)
ĐÀ LOAN			202.304.328		2.308.402.208
Hàng thủy sản	USD		12.041.288		143.577.301
Hàng rau quả	USD		3.286.211		35.076.699
Hạt điều	Tấn	290	2.314.842	2.899	21.430.588
Chè	Tấn	1.745	2.551.740	23.060	31.414.349
Gạo	Tấn	1.790	982.087	33.091	19.084.552
Sản và các sản phẩm từ sản	Tấn	4.927	2.070.964	29.118	12.407.948
Bánh kẹo và các sản phẩm từ ngũ cốc	USD		1.583.207		12.807.053
Thực ăn gia súc và nguyên liệu	USD		3.680.212		34.326.483
Quặng và khoáng sản khác	Tấn	10.165	617.469	24.647	2.979.577
Clanhke và xi măng	Tấn	66.350	2.787.910	1.280.028	54.621.595
Than đá	Tấn			22.010	3.199.269
Hóa chất	USD		2.417.368		20.146.851
Sản phẩm hóa chất	USD		1.701.150		21.442.783
Phân bón các loại	Tấn	550	130.896	7.966	2.425.874
Chất dẻo nguyên liệu	Tấn	292	476.837	2.320	3.528.824
Sản phẩm từ chất dẻo	USD		2.982.894		33.357.872
Cao su	Tấn	2.445	3.808.442	27.935	51.949.683
Sản phẩm từ cao su	USD		1.163.573		13.372.153
Túi xách, ví, vali, mũ, ô, dù	USD		1.322.779		12.120.426
Sản phẩm mây, tre, cói và thảm	USD		406.470		6.713.480
Gỗ và sản phẩm gỗ	USD		8.548.579		82.746.372
Giấy và các sản phẩm từ giấy	USD		7.384.620		76.866.220
Xơ, sợi dệt các loại	Tấn	950	2.804.460	9.432	34.036.873
Hàng dệt. may	USD		20.741.999		214.543.396
Giày dép các loại	USD		10.400.568		84.898.973
Nguyên phụ liệu dệt, may, da, giày	USD		3.519.009		37.804.969
Sản phẩm gốm, sứ	USD		6.389.779		68.229.178
Thủy tinh và các sản phẩm từ thủy tinh	USD		6.784.726		76.088.408
Đá quý, kim loại quý và sản phẩm	USD				1.004.651
Sắt thép các loại	Tấn	288	254.972	8.841	12.591.328
Sản phẩm từ sắt thép	USD		3.554.711		48.628.350
Kim loại thường khác và sản phẩm	USD		3.081.095		34.792.890
Máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện	USD		13.834.631		163.130.362
Điện thoại các loại và linh kiện	USD		23.898.895		353.598.789
Máy ảnh, máy quay phim và linh kiện	USD		358.053		2.399.211
Máy móc, thiết bị, dụng cụ phụ tùng khác	USD		12.883.580		130.388.801
Dây điện và dây cáp điện	USD		183.028		2.488.077
Phương tiện vận tải và phụ tùng	USD		3.618.748		44.626.029
Sản phẩm nội thất từ chất liệu khác gỗ	USD		526.376		4.418.229
Đồ chơi, dụng cụ thể thao và bộ phận	USD		274.571		4.269.623

Bảng 2. Nhập khẩu Việt Nam – Đà Loan năm 2014 – Nguồn: Tổng cục Hải quan

BỘ TÀI CHÍNH
TỔNG CỤC HẢI QUAN

Biểu số 5N/TCHQ
Cục CNTT & Thống kê Hải quan

Chính thức

NHẬP KHẨU NƯỚC/VÙNG LÃNH THỔ - MẶT HÀNG CHỦ YẾU

Tháng 12 năm 2014

Nước/Mặt hàng chủ yếu	ĐVT	Số liệu tháng báo cáo		Cộng dồn đến hết tháng báo cáo	
		Lượng	Trị giá (USD)	Lượng	Trị giá (USD)
ĐÀI LOAN			968.067.072		11.079.241.055
Hàng thủy sản	USD		6.493.890		75.758.674
Chế phẩm thực phẩm khác	USD		1.401.112		21.365.865
Thức ăn gia súc và nguyên liệu	USD		4.603.345		70.165.622
Quặng và khoáng sản khác	Tấn	6.584	1.190.323	49.039	12.025.485
Xăng dầu các loại	Tấn	92.748	54.746.945	1.257.394	1.117.742.539
Sản phẩm khác từ dầu mỏ	USD		7.811.433		168.298.111
Hóa chất	USD		41.872.695		458.807.964
Sản phẩm hóa chất	USD		34.649.813		379.796.173
Dược phẩm	USD		2.693.002		17.617.463
Phân bón các loại	Tấn	7.647	1.596.039	86.365	16.969.341
Chất thơm, mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh	USD		404.249		2.468.662
Thuốc trừ sâu và nguyên liệu	USD		926.846		5.790.880
Chất dẻo nguyên liệu	Tấn	46.306	85.065.272	502.378	961.010.538
Sản phẩm từ chất dẻo	USD		19.073.003		231.602.222
Cao su	Tấn	3.494	6.350.468	30.305	58.311.562
Sản phẩm từ cao su	USD		2.721.496		29.790.816
Gỗ và sản phẩm gỗ	USD		565.078		7.461.464
Giấy các loại	Tấn	26.628	15.648.049	314.773	184.227.754
Sản phẩm từ giấy	USD		2.859.618		32.396.652
Bông các loại	Tấn	210	233.421	2.552	2.861.978
Xơ, sợi dệt các loại	Tấn	16.566	30.006.137	208.229	384.446.054
Vải các loại	USD		114.069.855		1.392.245.782
Nguyên phụ liệu dệt, may, da, giày	USD		38.616.062		483.813.360
Thủy tinh và các sản phẩm từ thủy tinh	USD		582.612		23.002.952
Đá quý, kim loại quý và sản phẩm	USD		157.982		830.646
Phế liệu sắt thép	Tấn	553	585.147	8.059	5.621.583
Sắt thép các loại	Tấn	80.498	56.963.923	1.110.430	733.250.150
Sản phẩm từ sắt thép	USD		15.076.056		183.705.715
Kim loại thường khác	Tấn	6.255	21.541.940	74.954	241.888.730
Sản phẩm từ kim loại thường khác	USD		1.805.741		32.082.738
Máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện	USD		151.425.202		1.412.237.455
Hàng điện gia dụng và linh kiện	USD		1.533.558		21.035.166
Điện thoại các loại và linh kiện	USD		9.727.490		96.060.263
Máy ảnh, máy quay phim và linh kiện	USD		64.058.951		391.182.656
Máy móc, thiết bị, dụng cụ, phụ tùng khác	USD		140.250.632		1.420.118.515
Dây điện và dây cáp điện	USD		5.421.275		42.550.811
Phương tiện vận tải khác và phụ tùng	USD		153.853		5.695.157